TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2019/HS-PT
Ngày: 04 - 3 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông ***Nguyễn Thành Quang***

Các Thẩm phán: Ông ***Nguyễn Như Tám***

Ông ***Cao Quốc Chiến***

- Thư ký phiên tòa: Bà ***Trương Thị Quý*** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà ***Nguyễn Thị Ngọc Thùy*** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/HS- PT ngày 03 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Trần Lợi do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Bị cáo **Trần L** (tên gọi khác Đ), sinh năm 1996. Nơi ĐKHKTT: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần H, sinh năm 1973 và bà Thị N, sinh năm 1972; vợ tên Thị K, sinh năm 1995 và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ vào ngày 18/3/2018 và tạm giam ngày 21/3/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 31/01/2018, Danh M, Danh S1 và Trần L cùng ngồi uống cà phê ở khu vực cầu Rạch Tìa, xã Đ, huyện G. Tại đây Danh M rủ L và S1 đến nhà bà Thị B để lấy tài sản, L gọi điện thoại rủ Danh Đ (Điền) cùng đi, Đ đồng ý nên điều khiển xe gắn máy đến quán cà phê gặp H và rủ H đi cùng. Sau khi bàn bạc, tất cả đồng ý cùng đi đến nhà bà Thị B để lấy tài sản, M kêu L về nhà lấy vỏ máy do đường bộ khó đi. Tất cả đến nhà L lấy vỏ máy, lúc này L lấy một cây dao tự chế, một cây dao thái lan cán bằng gỗ và một cây nhựa dẻo màu trắng, M kêu Đ đi mua khẩu trang y tế. Sau khi chuẩn bị xong tất cả xuống vỏ máy do L điều khiển chạy đến nhà bà Thị B trú tại ấp T, xã Đ, huyện G đậu cách nhà bà B khoảng 100m. Sau khi đậu vỏ máy xong cả nhóm 05 người đi lên bờ đi bộ đến nhà bà Thị B, M cầm dao tự chế đi vào trước, Đ cầm cây nhựa màu trắng dẻo đi phía sau, H cầm cây dao Thái Lan nhưng bị làm rơi dưới vỏ nên khi đi cũng nhặt một đoạn tre dài khoảng 70 – 80cm cầm trên tay đi vào nhà, lúc này bà B đang ở ngoài hàng ba nhà, M hỏi bà B "Thằng Linh có nhà không?", bà B trả lời "không, có chuyện gì nói với tôi đi", M nói tiếp, kêu ông S2 ra đây! bà B nói "ổng say rồi kiếm ổng có gì không", M, Đ mới nhào đến dùng tay đẩy bà B vào trong nhà nhưng bà B không chịu đi, H mới dùng cây đánh vào vai bà B. Ông Danh S2 chồng bà B thức dậy chạy ra hỏi có chuyện gì thì Danh S1 cầm khúc tre chạy đến đánh vào người ông S2, M kêu dí đừng cho nó chạy, S1, L rượt theo làm cho ông S2 và con trai Danh T bỏ chạy. M, Đ tiếp tục đẩy bà B vào trong nhà đến chỗ tủ áo bằng gỗ kề dao vào người bà B, Đ thì cầm khúc nhựa dẻo quơ qua, quơ lại đe dọa bà B yêu cầu lấy tiền vàng mang ra và cả chìa khóa két sắt, bà B bảo không có tiền thì M đe dọa sẽ dùng dao chém đứt cánh tay của bà B, bị đe dọa bà B mới mở tủ áo lục lấy chìa khóa két sắt thì rớt ra cọc tiền 10.000.000 đồng, M liền giật lấy tiền đưa cho Đ cầm, khi bà B mở két sắt ra thì M giật lấy chiếc túi bọc nylon màu đỏ đưa cho Đ cầm, bà B yêu cầu đừng lấy giấy tờ do làm lại khó lắm, Đ mới đổ giấy tờ ra lấy chiếc bọc bỏ tiền vào, M tiếp tục hỏi vàng đâu thì bà B mới lấy chiếc hộp giấy đưa cho M bên trong có 15 chỉ vàng 18K; 14 chỉ vàng 24K đổ vào túi nylon do Đ cầm, M tiếp tục lấy trong két sắt 10.000.000 đồng cất giữ riêng trong người. Sau khi lấy xong tài sản, M ôm bà B lại, Đ kéo tay ra phía sau cho H lấy dây điện có sẵn trói tay lại, sau đó M kêu tất cả rút, ra khỏi nhà Đ mới khóa cửa lại và vứt bỏ chìa khóa ra sân. Danh M, Danh S1, Danh Đ, Trần L và Danh H mới xuống vỏ máy chạy về nhà L, tại đây cả 05 lấy cọc tiền 10.000.000 đồng ra chia đều, vàng thì giao cho Đ cất giữ.

Đến sáng ngày 01/02/2018, Đ và M đi đến các tiệm vàng ở huyện Giồng Riềng, Châu Thành và Rạch Sỏi để bán số vàng vừa cướp được mang tiền về tiếp tục chia đều cho đồng bọn. Mỗi người nhận được số tiền khoảng 19.000.000 đồng, ngoài ra L còn cất giữ 01 đôi bông tay và 01 mặt dây chuyền hình ông địa làm bằng đá cẩm thạch, Danh M còn chiếm đoạt cá nhân 01 cọc tiền 10.000.000 đồng không chia cho ai. Danh N là bạn của Danh Đ và Trần L cũng được L và Đ cho 1.000.000 đồng. Số tiền cướp có được các bị cáo đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân và mua sắm tài sản đã được cơ quan điều tra thu giữ.

Vật chứng trong vụ án gồm: 01 máy xăng có bình xăng màu trắng, mặt nạ màu đỏ (không rõ chủng loại), số máy TG168F-1(1/2R) 1404036103 là máy của bị cáo Trần L; 01 vỏ lãi Composit màu xanh – trắng, dài 06m nhãn hiệu Tài Lộc 2 – số No7344 ông Trần H là chủ sở hữu; 01 xe gắn máy Wave Trung Quốc nhãn hiệu FERVOR, màu đỏ, biển kiểm soát 53RB-2037 và giấy đăng ký xe; 02 nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng; tiền mặt 600.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Prime; 01 cây tre dài 1.1m, có đường kính 5cm; 01 chìa khóa bằng kim loại, 01 đầu được bọc nhựa màu đen, trên chìa khóa có buộc sợi dây vải màu xanh dài 35cm; 01 hộp giấy có kích thước 15cm x 7cm x 1,5cm; 01 sợi dây điện màu trắng dính trong ổ ghim dài 6,75m; 02 sợi dây (loại dây bố), sợi thứ nhất dài 3,36m, có đường kính 0,6cm và sợi dây thứ hai dài 2,68m có đường kính 0,6cm; 01 gọng kính bằng nhựa màu đen bị gãy.

** Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/2018/KL-HĐĐG ngày 25/3/2018 của hội đồng định giá huyện G kết luận:*

- 01 thẻ vàng miếng ký hiệu Rồng vàng 999, có trọng lượng 01 chỉ, giá trị tại thời điểm 3.706.000 đồng;

- 01 đôi hoa tai kiểu nút vặn, mặt trước hình tròn, loại vàng 24k, có trọng lượng 01 chỉ, giá trị tại thời điểm 3.706.000 đồng;

- 01 lắc khoen lật có trọng lượng 05 chỉ, loại vàng 24k, giá vàng 3.706.000 đồng/chỉ, giá trị tại thời điểm 18.530.000 đồng;

- 01 sợi dây chuyền kiểu khoen lật có trọng lượng 05 chỉ vàng 24k, mặt dây chuyền kiểu trái tim trọng lượng 01 chỉ vàng 24k, giá trị tại thời điểm 22.236.000 đồng;

- 01 nhẫn tròn có trọng lượng 02 chỉ, loại vàng 24k, giá trị tại thời điểm 7.412.000 đồng;

- 01 sợi dây chuyền vàng kiểu dây xích, có trọng lượng 05 chỉ, loại vàng 18k, mặt dây chuyền hình ông địa, giá vàng 2.795.000 đồng/chỉ, giá trị tại thời điểm 13.975.000 đồng;

- 01 sợi dây chuyền kiểu hình dẹp dính liền, có trọng lượng 04 chỉ, loại vàng 18k, mặt dây chuyền cẩn đá màu xanh, viền vàng xung quanh, giá trị tại thời điểm 11.180.000 đồng;

- 01 tắm lắc vàng 18k, trọng lượng 03 chỉ, giá trị tại thời điểm 8.385.000 đồng;

- 01 nhẫn vuông cẩn hạt màu tím, loại vàng 18k, trọng lượng 02 chỉ, giá trị tại thời điểm 5.590.000 đồng;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, không rõ model và thời gian mua, giá trị mua nên không xác định giá trị còn lại của tài sản;

Tổng cộng: 94.720.000 đồng.

** Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/2018/KL-HĐĐG ngày 25/01/2018 của hội đồng định giá huyện G kết luận:*

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda (do Nhật Bản sản xuất), loại xe FUTURE, dung tích xi lanh 109cm^3, màu ghi, số khung JA02081Y240057, số máy JA02E0240085, biển số 68S3-3004, giá trị còn lại tại thời điểm 2.250.000 đồng.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định:

- Tuyên bố: Bị cáo **Trần L** phạm tội "***Cướp tài sản***".

- Áp dụng: Điểm d và đ khoản 2 Điều 168, điểm b và s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần L – *07 (bảy) năm tù***, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18/3/2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên bị cáo Danh Đ 08 năm tù, bị cáo Danh H 07 năm 09 tháng tù; tuyên về biện pháp tư pháp; trách nhiệm dân sự; án phí; lãi suất trong thi hành án và báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 30/11/2018, bị cáo Trần L kháng cáo với nội dung: Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm tù là nặng với bị cáo, bị cáo xin Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận bản án của Tòa án nhân dân huyện G xét xử bị cáo về tội "*Cướp tài sản*" theo điểm d và đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là đúng tội của bị cáo. Bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo ở điểm d và đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm đã có xem xét về nhân thân, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án 07 năm tù là đầu khung hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo Trần L về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm: Khoảng 18 giờ ngày 31/01/2018, Danh M rủ Danh S1 và Trần L đến nhà bà Thị B ở ấp T, xã Đ để lấy tài sản, Trần L đồng ý rủ thêm Danh Đ, Danh H cùng đi. Sau khi về nhà Trần L lấy vỏ máy và chuẩn bị hung khí gồm dao tự chế, dao Thái Lan... thì cả nhóm xuống nhà bà Thị B. Khi đến nhà bà B, M cầm dao tự chế xông vào nhà khống chế bà B cùng Đ và Danh H buộc bà Thị B giao tài sản gồm tiền, vàng… Tổng giá trị tài sản cướp được là 94.720.000 đồng. Trong lúc này Danh S1 và Trần L dùng cây đuổi đánh chồng và con bà B uy hiếp tinh thần để cướp tài sản. Sau khi lấy được tài sản, các bị cáo cùng bán chia nhau tiêu xài hết. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các điểm d và đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 xét xử bị cáo về tội "*Cướp tài sản*" là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Các bị cáo là những người còn trẻ, đang trong độ tuổi lao động, đúng ra các bị cáo phải biết cố gắng lao động thật tốt để kiếm được những đồng tiền chân chính, lương thiện, sau này có điều kiện tự chăm lo cho bản thân, tạo tương lai tốt đẹp, giúp ích cho gia đình và cống hiến cho xã hội mới phải. Ngược lại, các bị cáo là những đối tượng lười biếng lao động, bản tính tham lam, thích hưởng thụ và muốn nhanh chóng có thật nhiều tiền để phục vụ cho nhu cầu chi xài bản thân, nên các bị cáo nghĩ ra cách kiếm tiền bằng hành vi cướp tài sản của người khác, đem bán lấy tiền cùng chia nhau tiêu xài cho thỏa thích, không nghĩ đến hậu quả mình đã gây nên.

Các bị cáo trước khi thực hiện hành vi phạm tội đã chuẩn bị sẵn công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, gây căm phẫn bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, vừa trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, vừa gây mất trật tự trị an ở địa phương; mặt khác gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho người dân vùng quê vốn yên bình.

Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, mang tính táo bạo và liều lĩnh. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo mức án đầu khung hình phạt như trên là đã có chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết nào mới để xem xét nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Do bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác và mức án mà cấp sơ thẩm quyết định áp dụng cho bị cáo là tương xứng với tính chất và mức độ hậu quả bị cáo gây ra, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy, quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nghĩ nên cần chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Do bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần L, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Áp dụng: Điểm d và đ khoản 2 Điều 168; điểm b và s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Trần L** – ***07 (bảy) năm tù*** về tội **"*Cướp tài sản*".** Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/3/2018.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án số 30/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (2);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Quang

- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Lưu hồ sơ, Tòa (7).